

MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ NGHIÊN CỨU CẢI TIẾN HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ VÀ PHƯƠNG ÁN ĐIỀU TRA CHĂN NUÔI

Nguyễn Hoà Bình

Hệ thống chỉ tiêu thống kê chăn nuôi và phương pháp thu thập số liệu thống kê chăn nuôi đã được ban hành trong chế độ báo cáo và điều tra theo quyết định số: 300-TCTK/NLTS của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê ngày 19/7/1996. Sau 8 năm thực hiện, công tác thống kê chăn nuôi đã cung cấp số liệu giúp cho các cấp, các ngành đánh giá, phân tích và hoạch định chính sách phát triển chăn nuôi trong những năm qua. Tuy vậy, từ khi nền kinh tế nước ta chuyển từ cơ chế kế hoạch hoá tập trung bao cấp sang cơ chế thị trường, bên cạnh những kết quả đạt được, hệ thống chỉ tiêu thống kê chăn nuôi và phương án điều tra đã ban hành đến nay cũng bộc lộ những nhược điểm tồn tại sau:

Về hệ thống chỉ tiêu thống kê chăn nuôi: theo chế độ báo cáo thống kê chăn nuôi gồm các chỉ tiêu sau:

Tổng số trâu

Trong đó: Cày kéo

Sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng

Tổng số bò

Trong đó: - Cày kéo

- Bò sữa

Sản lượng thịt bò hơi xuất chuồng (tấn)

Tổng số lợn

Trong đó: - Lợn nái

- Lợn thịt

Số con lợn thịt xuất chuồng (con)

Sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng (tấn)

Tổng số gia cầm

Chia ra: - Gà

- Vịt, ngan, ngỗng.

Sản lượng thịt gia cầm giết, bán (tấn)

Sản lượng trứng gia cầm các loại (1000 quả)

Chăn nuôi khác

- Ngựa

- Dê, cừu

- Hươu

- Ong (tổ)

- Sản lượng mật ong (tấn)

- Sản lượng kén tằm (tấn)

Ưu điểm cơ bản của hệ thống chỉ tiêu thống kê chăn nuôi nêu trên là phân tổ đơn giản, dễ hiểu, do vậy điều tra ít tốn kém, dễ làm. Tuy vậy, trước nhu cầu thông tin ngày càng đa dạng, phong phú và chất lượng thông tin đòi hỏi ngày càng cao trong nền kinh tế thị trường, hệ thống chỉ tiêu thống kê chăn nuôi đến nay đã bộc lộ những nhược điểm sau:

- Số lượng chỉ tiêu thống kê chăn nuôi còn quá đơn giản, thống kê số đầu con thiếu những phân tổ chi tiết (theo giới tính, độ tuổi, công dụng kinh tế, giống loại vật nuôi, phẩm cấp và chủng loại sản phẩm,...), thiếu các chỉ tiêu phản ánh các biện pháp khoa học - công nghệ mới ứng dụng vào sản xuất chăn

nuôi (như chăn nuôi gà theo phương pháp công nghiệp, chăn nuôi lợn hướng nạc, bò lai sind, gà vịt siêu thịt, siêu trứng,...) nên đã hạn chế rất lớn đến phân tích đánh giá và dự báo quá trình tái sản xuất đàn gia súc, gia cầm và thiếu cơ sở thống kê chính xác sản lượng sản phẩm chăn nuôi. Ví dụ: khi thống kê về sản lượng thịt trâu, bò thì thiếu tổ trâu, bò thịt; khi thống kê về sản lượng sữa bò thì

không có số bò cái vắt sữa; khi thống kê về sản lượng trứng gia cầm thì không có số lượng gà, vịt mái đẻ, v.v...

- Chất lượng số liệu thống kê chăn nuôi hàng năm nhìn chung còn thấp, mức độ chính xác chưa cao. Ví dụ: so sánh số liệu điều tra chăn nuôi năm 2000 với số liệu tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2001 như sau:

	Đơn vị tính	Năm 2000	Tổng điều tra năm 2001	TĐT 2001 so 2000 (%)
Trâu	con	2.897.220	2.761.540	95,32
Bò	con	4.127.872	3.644.665	88,29
Lợn	con	20.193.794	21.099.302	104,48
Gà	1000 con	147.050	145.915	99,23
Vịt, ngan, ngỗng	1000 con	49.138	59.248	120,57

Trong xu hướng chuyển dịch cơ cấu chăn nuôi theo hướng năng suất, hiệu quả theo cơ chế thị trường, so sánh năm 2001 với năm 2000 qui mô đàn bò, đàn gà (nhu cầu thị trường tăng lên) lại là không phù hợp với tình hình phát triển thực tế. Đi sâu vào từng vùng, tỉnh nếu so sánh còn thấy thêm một số bất hợp lý.

Kiểm tra đánh giá chất lượng số liệu chăn nuôi năm 2003 của các tỉnh báo cáo cho thấy: có 4 tỉnh và 1 thành phố về cơ cấu đàn lợn không có lợn đực giống và 1 tỉnh qua kiểm tra chỉ có 13 con lợn đực giống trên tổng số 17 vạn lợn nái. Về sản phẩm chăn nuôi: đối với đàn lợn, hệ số quay vòng của lợn thịt bình quân chung cả nước là 1,4 lần so với số đầu con hiện có, nhìn chung hệ số này khó vượt quá 2, nhưng ở một số tỉnh hệ số này có tính lên tới 2,46, trong khi đó một số tỉnh khác lại đạt quá thấp hệ số dưới 1. Về chỉ tiêu sản lượng sữa tươi bình quân 1

con bò sữa nói chung cả nước (do không phân tổ chi tiết đến bò cái sữa nên không tính được trên 1 bò cái sữa) là 1405 kg/con, thì tỉnh Tuyên Quang chỉ đạt 44 kg/con, vùng đồng bằng sông Hồng đạt 1395 kg/con thì vùng Bắc Trung Bộ chỉ đạt 6 kg/con, trong khi Khánh Hòa lên tới 3281 kg/con. Về sản lượng trứng gia cầm của các tỉnh cũng khác nhau khá xa, bình quân cả nước đạt 19,4 quả trứng/con gia cầm nói chung (do không phân tổ chi tiết đến gia cầm mái đẻ nên không tính được trên 1 gia cầm mái đẻ) có tỉnh đạt 145 quả, có tỉnh chỉ có 1,5 quả, v.v...

- Hệ thống chỉ tiêu thống kê chăn nuôi còn thiếu nhiều loại vật nuôi mới xuất hiện trên thị trường tiêu dùng trong nước và xuất khẩu như: nuôi lợn sữa xuất khẩu, nuôi đà điểu, chim cú, chim bồ câu, hươu, nai, cá sấu, trăn, rắn, gấu,... Trong khi đó có những chỉ tiêu đã lạc hậu trong nền kinh tế thị trường thì chưa được loại bỏ như: trâu, bò

cày kéo,... số lượng đang ngày càng giảm sút do quá trình cơ giới hoá và vận chuyển cơ giới đang tăng nhanh và thay thế dần.

Về phương án điều tra chăn nuôi: ưu điểm cơ bản là qui định việc phân vùng, chọn mẫu (xã, thôn, hộ) đơn giản, phù hợp với điều kiện tổ chức và khả năng kinh phí có hạn của ngành Thống kê. Tuy vậy, phương án điều tra chăn nuôi đến nay cũng bộc lộ những hạn chế sau đây:

- *Về thời điểm điều tra:* trong 2 thời điểm điều tra chăn nuôi qui định trong phương án điều tra (ngày 1 tháng 4 và ngày 1 tháng 10 hàng năm), thời điểm 1/4 chỉ điều tra số đầu lợn của 14 tỉnh trọng điểm, thời điểm ngày 1 tháng 10 là thời điểm điều tra cơ bản nhất, bao gồm số lượng và sản phẩm toàn bộ các loại gia súc, gia cầm và chăn nuôi khác trong năm. Vào tháng 10 đối với đồng bằng sông Cửu Long và duyên hải Nam Trung Bộ lại rơi vào mùa mưa lũ, điều tra vào thời điểm này đàn gia súc không ổn định vì các hộ đã bán đi khá nhiều để chạy lũ. Kinh nghiệm Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thuỷ sản năm 2001 đã cho thấy thời gian tổng điều tra thực hiện vào tháng 10 vùng đồng bằng sông Cửu Long là hết sức khó khăn do bị lũ lụt, nên ở những tỉnh thuộc vùng này thời gian điều tra đã phải kéo dài thêm 2 tháng mới hoàn thành giai đoạn điều tra, tốn kém thêm chi phí đi lại điều tra và giám sát.

- *Về phương pháp điều tra chăn nuôi:* Cách phân vùng, chọn mẫu qui định thiếu cụ thể, dàn mẫu được lập chung cho các loại gia súc, gia cầm. Việc qui định cỡ mẫu (mỗi vùng chọn một xã, mỗi xã chọn một thôn) và điều tra cả thôn theo mẫu cố định cho thấy chưa thật khoa học, đối với các tỉnh Nam Bộ

do qui mô áp lớn dẫn đến số hộ điều tra quá lớn. Cơ cấu mẫu không phù hợp với cơ cấu chung chăn nuôi của vùng, huyện, không phân biệt chăn nuôi theo phương pháp công nghiệp, thâm canh năng suất cao với chăn nuôi nhỏ lẻ truyền thống năng suất thấp nên mức độ chính xác thấp khi suy rộng số liệu điều tra. Mặt khác, về phương pháp điều tra tính toán sản phẩm chăn nuôi một số chỉ tiêu năng suất sản phẩm tính trên một đầu súc vật như: trọng lượng xuất chuồng bình quân 1 con lợn thịt, sản lượng sữa tươi bình quân 1 con bò cái vắt sữa, số lượng trứng gia cầm bình quân 1 gia cầm mái đẻ,... hầu như năm nào cũng điều tra khiến cho cuộc điều tra trở nên nặng nề, tốn kém; trong khi đó những chỉ tiêu này thường ổn định trong một số năm nếu như không có sự thay đổi lớn về chất lượng chăn nuôi và cơ cấu đàn gia súc giữa các năm.

- Việc xuất hiện loại hình chăn nuôi trang trại với qui mô chăn nuôi và sản xuất hàng hoá qui mô lớn trong những năm gần đây vẫn qui định điều tra chung với kinh tế hộ như phương án, làm cho kết quả điều tra suy rộng sẽ không chính xác.

Từ những phân tích nêu trên, chúng tôi cho rằng hướng nghiên cứu cải tiến hệ thống chỉ tiêu thống kê chăn nuôi và phương án điều tra chăn nuôi hiện nay cần tập trung vào một số vấn đề sau:

Về hệ thống chỉ tiêu thống kê chăn nuôi:

- Bổ sung những phân tổ chi tiết theo giống (nội, ngoại, giống mới, giống lai, giống mới siêu thịt, siêu trứng, hướng nạc, chăn nuôi đặc sản, bò lai sind, lợn sữa nuôi xuất khẩu,...); theo loại (*tiếp theo trang 33*)

MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ NGHIÊN CỨU CẢI TIẾN..... (tiếp theo trang 8)

(đực giống, cái sinh sản, cái hậu bị, nuôi thịt, gia cầm mái đẻ, bò cái sữa,...); theo nhóm tuổi (gia súc lớn dưới 1 năm, 1 - 2 năm, trên 2 tuổi đối với trâu, bò; lợn thịt dưới 6 tháng, lợn thịt trên 6 tháng,...); theo phương thức chăn nuôi (chăn nuôi hộ gia đình, chăn nuôi trang trại, chăn nuôi theo phương pháp công nghiệp,..); bổ sung những loại vật nuôi mới phát sinh trong nền kinh tế thị trường, đồng thời loại bỏ những chỉ tiêu không còn phù hợp như: trâu bò cày kéo,...

- Thời điểm điều tra chăn nuôi trong năm: để thống nhất so sánh giữa các tỉnh, các vùng trong cả nước, vào thời gian đàn gia súc, gia cầm tương đối ổn định trong năm, điều kiện tự nhiên, thời tiết, khí hậu thuận lợi cho quá trình điều tra theo chúng tôi nên tiến hành vào các tháng trong quý III dương lịch hàng năm.

Về cải tiến phương án điều tra chăn nuôi:

Đối với các trang trại chăn nuôi qui mô lớn theo phương pháp công nghiệp xếp thành một loại tiến hành điều tra và tổng hợp kết quả riêng.

Đối với chăn nuôi hộ gia đình: qua nghiên cứu khảo sát thống kê chăn nuôi ở một số nước (Nhật Bản, Philippine, Thái Lan, Hàn Quốc, Indonesia...) về dàn mẫu hầu như các nước đều dựa vào danh sách hộ chăn nuôi từng loại được lập từ cuộc tổng điều tra nông nghiệp gần nhất (có bổ sung thêm danh sách hộ biến động cho phù hợp với thực tế). Trong phương án điều tra cải tiến ở nước ta đã đến lúc cần qui định mẫu điều tra riêng cho từng loại gia súc, gia cầm theo phương thức, tập quán chăn nuôi trên cơ sở phân vùng, chọn mẫu phù hợp với đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội, tập quán từng vùng và qui mô chăn nuôi của

từng loại gia súc, gia cầm. Trong điều kiện kinh phí điều tra có hạn thì nên tập trung điều tra vào những loại vật nuôi chủ yếu nhất, kết hợp khai thác số liệu từ các hiệp hội chăn nuôi hoặc từ các lò giết mổ gia súc, ...). Việc chọn đơn vị mẫu (xã, thôn, hộ mẫu) tăng cường sử dụng phương pháp

chọn ngẫu nhiên để đảm bảo tính khách quan của cuộc điều tra. Việc suy rộng kết quả điều tra dựa vào qui mô đàn mẫu từng loại gia súc, gia cầm đã tổng hợp trong cuộc tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp, không nên suy rộng chung cho các hộ nông thôn như hiện nay■